TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/KDTM-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Phạm Văn Thắng;

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2022/TLST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH bao bì giấy D; địa chỉ: lô MN1, tổng kho S, đường số 7, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Khổng Tiến D, sinh năm 1981; nơi thường trú: Khu 5, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú: 647/24/47, quốc lộ 13, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2022), có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH P; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yang Chen C – chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH bao bì giấy D là ông Khổng Tiến D trình bày:

Công ty TNHH Bao bì giấy D (sau đây viết tắt là Công ty D) và Công ty TNHH P (sau đây viết tắt là Công ty P) giao dịch mua bán hàng hóa là thùng giấy và thanh V từ năm 2021. Ngày 01 tháng 01 năm 2021, Công ty D và Công ty P giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa số DT2021PT.

Các bên thực hiện hợp đồng căn cứ đơn mua hàng, thông qua email, fax của Công ty P gửi cho Công ty D. Công ty P thanh toán tiền hàng trên cơ sở các đơn hàng, phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty D gửi. Công ty D đã hoàn tất việc giao hàng theo các đơn đặt hàng cho Công ty P tại kho của Công ty P tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Công ty P nghiệm thu hàng hóa và Công ty D xuất hóa đơn.

Về thỏa thuận nghĩa vụ thanh toán: theo hợp đồng đã giao kết, Công ty P phải có trách nhiệm thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết sổ là ngày 30 hàng tháng, hóa đơn giá trị gia tăng Công ty P đã nhận đủ.

Tiền hàng Công ty P còn nợ tiền mua hàng của Công ty D tổng số tiền là 535.206.557 đồng, cụ thể như sau:

Tháng 7 năm 2021, số tiền hàng là 679.697.769 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0006825 ngày 31 tháng 7 năm 2021. Hóa đơn này, Công ty P đã thanh toán được 400.000.000 đồng, còn nợ số tiền 279.697.769 đồng.

Tháng 8 năm 2021 số tiền hàng là 255.508.799 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0006877 ngày 28 tháng 8 năm 2021, công ty P chưa thanh toán.

Tài liệu chứng cứ do Công ty D cung cấp là: Văn bản do Công ty P gửi Công ty D ngày 07 tháng 02 năm 2022, hóa đơn giá trị gia tăng số 0006825 ngày 31 tháng 7 năm 2021; hóa đơn giá trị gia tăng số 0006877 ngày 28 tháng 8 năm, 71 phiếu giao hàng, 31 bảng kê chi tiết giao hàng, 01 phiếu liên lạc, 14 đơn đặt hàng và 01 bản tường trình đề ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Công ty D khởi kiện yêu cầu Công ty P phải trả cho Công ty D số tiền nợ gốc là 535.206.557 đồng.

Công ty D yêu cầu Công ty P phải trả cho Công ty D số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến khi thanh toán hết số nợ, tạm tính đến ngày 05 tháng 8 năm 2022, tiền lãi tạm tính như sau:

Tiền nợ mua hàng tháng 7/2021 là 279.697.769: tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2021 đến ngày 05 tháng 8 năm 2022 (tương ứng 278 ngày) x 0.03%/ngày = 23.364.981 đồng.

Tiền nợ mua hàng tháng 8/2021 là 255.508.788: tính từ ngày 31 tháng 11 năm 2021 đến ngày 05 tháng 8 năm 2022 (tương ứng 248 ngày) x 0.03%/ngày = 19.044.738 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính là: 577.615.342 (năm trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng.

Bị đơn Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Công văn số 2419/CTBDU-TTKT2 ngày 14 tháng 6 năm 2023, Cục thuế tỉnh Bình Dương xác định: hóa đơn giá trị gia tăng số 0006825 ngày 31 tháng 7 năm 2021, hóa đơn giá trị gia tăng số 0006877 ngày 28 tháng 8 năm 2021 có trong bảng kê mua vào của kỳ hoàn từ tháng 01/2019 – 9/2021 trong giấy đề nghị hoàn số 02PT/HT/2021 ngày 10 tháng 10 năm 2021, do các hóa đơn trên chưa được thanh toán và Công ty cũng tự xác định và chuyển khấu trừ kỳ sau chưa đề nghị hoàn nên đoàn kiểm tra đã không đề xuất hoàn và không hoàn những hóa đơn mua hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì giấy D.

Công văn về việc cung cấp thông tin lãi suất nợ quá hạn ngày 16 tháng 3 năm 2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần S xác định lãi suất nợ quá hạn đang áp dụng cho các khoản vay bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trong hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là 13%/năm. Lãi suất nợ quá hạn là 19,5%/năm.

Công văn số 126/BBD – TB ngày 27 tháng 7 năm 2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần N xác định lãi suất nợ quá hạn đang áp dụng cho các khoản vay bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất trong hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là 8,3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn là 12,45%/năm.

Công văn số 382/CV-BIDV.MP ngày 21 tháng 8 năm 2023, Ngân hàng TMCP Đ xác định lãi suất nợ quá hạn đang áp dụng cho các khoản vay không vượt quá 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất cho vay ngắn hạn 7,22%/năm, lãi suất cho vay trung và dài hạn là 9,36%/năm. Lãi suất quá hạn tối đa đối với khoản vay ngắn hạn 3,61%/năm, lãi suất quá hạn tối đa đối với khoản vay trung và dài hạn 4,68%/năm.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày cụ thể như sau:

Về nợ gốc yêu cầu Công ty P thanh toán là 535.206.557 đồng.

Về tiền lãi chậm thanh toán tính đến khi thanh toán hết nợ gốc, tạm tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2023 là 104.634.691 đồng, cụ thể như sau:

Tiền nợ mua hàng tháng 7/2021 là 279.697.769: tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2021 đến ngày 28 tháng 8 năm 2023 x 0.03%/ngày x 666 ngày = 55.883.614 đồng.

Tiền nợ mua hàng tháng 8/2021 là 255.508.788: tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 31 tháng 11 năm 2021 đến ngày 28 tháng 8 năm 2023 x 0.03%/ngày x 636 ngày = 48.751.077 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu Công ty P thanh toán là 639.841.248 (sáu trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng.

Bị đơn Công ty P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa tuy nhiên vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung:

Vào năm 2021, Công ty D bán hàng hóa là thùng giấy và thanh V cho Công ty P. Việc mua bán căn cứ vào hợp đồng mua bán số: DT2021PT, ký ngày 01/01/2021, cũng như căn cứ vào các đơn hàng, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT mà hai bên đã gửi cho nhau. Công ty D đã thực hiện hoàn tất việc giao hàng theo các đơn đặt hàng của Công ty P (có hóa đơn GTGT kèm theo). Việc giao - nhận, nghiệm thu hàng hóa và xuất hóa đơn tài chính của năm 2021 cho các đơn hàng đã hoàn thành. Về phần thanh toán thì Công ty P phải thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết sổ (Ngày 30 hàng tháng, hóa đơn GTGT đã nhận đủ).

Tổng tiền hàng Công ty D bán cho Công ty P trong tháng 7 năm 2021 là: 679.697.769 đồng (hóa đơn số: 0006825, ngày 31/07/2021), số tiền đã thanh toán của tháng 7/2021 là 400.000.000 đồng, số còn nợ tháng 7/2021 chưa thanh toán là 279.697.769 đồng, số còn nợ tháng 8/2021 chưa thanh toán là 255.508.788 đồng (hóa đơn số: 0006877, ngày 28/8/2021). Tổng số tiền mà công ty P còn nợ là 535.206.557 đồng (bao gồm VAT 10%).

Hành vi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Công ty P đã gây thiệt hại cho Công ty D. Vì vậy, Công ty D khởi kiện Công ty P đề nghị Tòa giải quyết: Buộc Công ty P có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Công ty D với số tiền là 535.206.557 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 05/08/2022 là 42.408.785 đồng. Tổng tiền nợ gốc và lãi yêu cầu thanh toán tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 577.615.342 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng mua bán đề ngày 01/01/2021, Văn bản do Công ty TNHH P gửi Công ty TNHH Bao bì giấy D ngày 07 tháng 02 năm 2022, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006825 ngày 31 tháng 7 năm 2021,

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006877 ngày 28 tháng 8 năm 2021, 71 Phiếu giao hàng, 31 Bảng kê chi tiết giao hàng, Phiếu liên lạc, 14 Đơn đặt hàng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cục thuế tỉnh Bình Dương đã có Công văn 2419 về việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến thủ tục hoàn thuế GTGT của Công ty TNHH P theo yêu cầu như sau: Các hóa đơn theo yêu cầu cung cấp có trong bảng kê mua vào của kỳ hoàn từ tháng 01/2019 - tháng 09/2021 trong Giấy để nghị hoàn số 02PT/HT/2021 ngày_ 20/10/2021, do các hóa đơn trên chưa được thanh toán và Công ty cũng đã tự xác định và chuyến khẩu trừ kỳ sau chưa đề nghị hoàn, nên đoàn kiểm tra đã không đều xuất hoàn và không hoàn những hóa đơn mua hàng của Công ty TNHH Bao bì giấy D theo yêu câu cung cập như sau: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006825 ngày 31 tháng 7 năm 2021; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006877 ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Đây là cơ sở để khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng mua bán tài sản và hàng hóa là thùng giấy và thanh V theo Hợp đồng đã ký kết Hợp đồng bán hàng ngày 01/01/2021. Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty D và Công ty P là có thật đúng quy định tại Điều 430 và Khoản 1 Điều 431 Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện việc giao hàng cho bị đơn đúng theo thỏa thuận. Do bị đơn không thực hiện thanh toán nợ cho nguyên đơn là vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 50 và khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại, vì vậy nguyên đơn khởi kiện bị đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định bên bị vi phạm có quyền đòi tiền lãi trên số tiền chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày thanh toán theo thỏa thuận cho tới thời điểm khởi kiện là phù hợp và không trái pháp luật. Về mức lãi suất, nguyên đơn yêu cầu là 11%/năm. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền nợ gốc và lãi là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 357, Điều 430 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 24, Điều 34 đến Điều 62 và Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 12 của Luật Doanh nghiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty D khởi kiện Công ty P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán thùng giấy và thanh V, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty P có trụ sở tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Quá trình thụ lý giải quyết, nguyên đơn Công ty D đã giao nộp các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ngày 01 tháng 01 năm 2021, Công ty D và Công ty P giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa số DT2021PT về việc mua bán thùng giấy và thanh V để Công ty P phục vụ việc sản xuất. Căn cứ theo các hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định Công ty P còn nợ tiền hàng Công ty D số tiền là 535.206.557 đồng. Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty D và Công ty P là hoạt động thương mại, Công ty D cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ và nhận thanh toán; Công ty P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D theo thỏa thuận. Các bên trong hợp đồng tự do giao kết, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Do đó, Công ty D yêu cầu Công ty P thanh toán tiền mua hàng còn thiếu là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 24, 50 và 55 của Luật Thương mại năm 2005.

[2.3] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Công ty D yêu cầu Công ty P thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ gốc, tạm tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2023 là 104.634.691 đồng.

[2.3.1] Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán được xác định là lãi suất nợ quá hạn trung bình của các ngân hàng trên địa bàn, gồm: Ngân hàng Thương mại cổ phần S xác định lãi suất nợ quá hạn đang áp dụng cho các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 19,5%/năm; Ngân hàng Thương mại cổ phần N xác định lãi suất nợ quá hạn đang áp dụng cho các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là 12,45%/năm; Ngân hàng TMCP Đ xác định lãi suất nợ quá hạn đang áp dụng cho các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là từ 10,83%/năm – 14,04%/năm. Trung bình của 03 Ngân hàng là từ 14,26%/năm – 15,33%/năm. Công ty D yêu cầu mức lãi suất tương ứng 10.8%/năm là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3.2] Công ty P vi phạm hợp đồng, chậm thanh toán tiền hàng thì phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Yêu cầu về tiền lãi của công ty D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147; các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí; Điều 9, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH bao bì giấy D đối với bị đơn Công ty TNHH P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH P phải trả cho Công ty TNHH bao bì giấy D số tiền 639.841.248 (sáu trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó bao gồm: 535.206.557 (năm trăm ba mươi lăm triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm năm mươi bảy) đồng nợ gốc và 104.634.691 (một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi mốt) đồng tiền lãi chậm thanh toán.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH P phải nộp 29.593.649 (hai mươi chín triệu năm trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH bao bì giấy D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH bao bì giấy D 13.552.306 (mười ba triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm lẻ sáu) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0009314 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết